

Bản án số: 305/2024/HS-PT
Ngày: 28 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	ông Vũ Thanh Liêm
<i>Các Thẩm phán:</i>	ông Lê Tự
	ông Trương Minh Tuấn

Thư ký phiên toà: bà Đinh Thị Thanh Yên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa: ông Nguyễn Chiến - Kiểm sát viên**

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 259/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Tạ Thanh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2024/HS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Tạ Thanh H; sinh ngày 12/10/1985 tại tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký HKTT: Số F đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Tạ Hiệp H1 và bà Phan Thị H2; có vợ Trần Thị Tường V (đã ly hôn) và 01 con chung; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giam ngày 27/10/2021; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo* Tạ Thanh H: ông Lê Văn A, luật sư, Văn phòng luật sư Lê Văn A thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ, có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi luận cứ bào chữa cho bị cáo H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số E T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; hiện đang bị bắt tạm giam trong 01 vụ án khác của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Tạ Thanh H có mua 5 lô đất gồm số 32, 62,71,75,77 thuộc tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại tổ H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng với tổng diện tích 1.956m² loại đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Đức T; đất này ông T mua lại của vợ chồng ông Phạm Văn Đ (sinh năm 1938, HKTT: Tổ B phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng), nhưng H nhờ ông Nguyễn Đức T đứng tên, đồng thời H có nhờ ông T mua thêm 2 lô đất là lô số 78 (diện tích 1.300m²) và lô số 99 (diện tích 807m²) loại đất trồng cây lâu năm cùng tờ bản đồ số 20 nói trên, tổng diện tích 4.063m² loại đất trồng cây lâu năm với tổng số tiền đã giao cho ông T là 3.200.000.000đ (Đối với 2 lô số 78 và số 99 H chỉ đặt cọc chứ không trả đủ tiền).

Thông qua các mối quan hệ xã hội ông Văn Công Q (sinh năm 1971, trú tại B H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; hiện đang cư trú tại số F Đ, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh) và ông Đỗ Vạn T1 (sinh năm 1972, trú tại B L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) quen biết với Tạ Thanh H; H đã gian dối với các ông Đỗ Vạn T1 và ông Văn Công Q là mình có 17.000m² đất nông nghiệp và kêu gọi ông Q góp vốn đầu tư 20 tỷ đồng để xin chuyển mục đích sử dụng thành đất kinh doanh dịch vụ và đất thổ cư, lợi nhuận chia đôi. (Hợp tác theo cách H có đất, ông Q bỏ tiền ra lo thủ tục hạ tầng, pháp lý). H có đưa cho ông Q và ông T1 xem bản đồ quy hoạch chi tiết 1/500 “dự án Tôn Đản 17.000m²” thuộc thửa đất số 32, 62,71,75,77 thuộc tờ bản đồ số 20; diện tích 17.000m² có địa chỉ tại tổ H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng cùng hợp đồng xây dựng dự án và kêu gọi ông Q góp vốn đầu tư số tiền 20 tỷ đồng và hứa hẹn chia 50% lãi sau khi bán dự án.

Để ông Q tin tưởng chuyển tiền, H đã làm thủ tục chuyển nhượng 5 lô đất 32, 62,71,75,77 với tổng diện tích 1.956m² loại đất trồng cây lâu năm cho ông Đỗ Vạn T1 (đứng tên thay ông Q) vào ngày 07/10/2019 (ông Nguyễn Đức T là người đứng bên chuyển nhượng, ông Đỗ Vạn T1 và bà Nguyễn Thị T2 đứng tên bên nhận chuyển nhượng). Ngày 10/10/2019, H đã làm thủ tục quy chủ sang tên ông Đỗ Vạn T1 03 lô đất thửa số 32, 77 và 71; tuy nhiên các GCNQSDĐ thì H giữ và không giao cho ông T1.

Vào các ngày 15/10/2019 và 14/11/2019, ông Văn Công Q đã chuyển khoản cho Tạ Thanh H tổng cộng 20 tỷ đồng vào tài khoản ngân hàng V1 của Tạ Thanh H. Sau khi nhận được 20 tỷ đồng từ ông Văn Công Q, H khai đã đưa cho ông Nguyễn Đức T 10 tỷ đồng để lo thủ tục pháp lý (không có chứng từ, ông T không thừa nhận), còn 10 tỷ H khai mua đất ở Thành phố Hồ Chí Minh 2 tỷ đồng, mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Audi 4 tỷ đồng, 01 xe ô tô nhãn hiệu ford 1,6 tỷ đồng còn lại tiêu xài hết. Như vậy, đối với 20 tỷ đồng nhận được từ ông Q, H đã không sử dụng vào việc làm dự án như đã hứa hẹn với ông Q.

Qua một năm vẫn không thấy kết quả, ông Văn Công Q tìm hiểu thì biết lô đất H kêu gọi ông Q góp vốn làm dự án không phải đất của H và số diện tích không đúng thực tế như đã trao đổi. Ông Q thấy có dấu hiệu lập dự án ma để chiếm đoạt tiền nên trong các ngày 17/3/2021 và ngày 05/5/2021 ông Văn Công Q gửi đơn đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ tố cáo Tạ Thanh H lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng xác định trên địa bàn không có dự án có tên “dự án T, diện tích 17.000m²” trên các thửa đất số 62, 32, 77, 71, 75 thuộc tờ bản đồ số 20 có địa chỉ tại: Tổ H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng mà thửa đất trên là của ông Phạm Văn Đ và bà Đồng Thị C đứng tên hợp pháp, thửa đất này đang thuộc dự án của Trung tâm C1 do sở Khoa học Công nghệ thành phố Đ làm chủ dự án. Xác minh tại các cơ quan có thẩm quyền về xác lập dự án và quản lý dự án xác định: Tại quận C hiện nay không tiến hành lập và quản lý dự án có tên “Tôn Đản, diện tích 17.000m²”; các thửa đất trên ảnh hưởng điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1/500 mở rộng Trung tâm công nghệ sinh học giai đoạn 2 do sở K làm chủ đầu tư và điều hành dự án. Đồ án quy hoạch có bản vẽ quy hoạch chi tiết TL 1/500 đã được phê duyệt theo Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND thành phố Đ.

Đối với 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 05 lô đất này, sau khi ký chuyển nhượng cho ông Đỗ Vạn T1 nhưng H vẫn giữ GCNQSDĐ và không giao cho ông T1; sau đó H tự ý đem đi cầm cố để vay tiền của ông Trần Thanh M (sinh năm 1978, trú tại D N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng); sau khi H bị bắt, ông Tạ Hiệp H1 (sinh năm 1957, trú F N, quận L, thành phố Đà Nẵng là cha ruột của Tạ Thanh H) đã đến thỏa thuận với ông M để trả tiền và lấy lại giấy CNQSD đất về giao nộp cho Cơ quan điều tra (thửa số 77). Ông Nguyễn Đức T cũng đã bỏ tiền ra chuộc GCNQSDĐ đối với thửa đất số 71 và giao nộp cho Cơ quan điều tra. Đối với GCNQSDĐ của thửa đất số 62 và 75 hiện nay ông Nguyễn Đức T đang giữ vì cho rằng Tạ Thanh H đang nợ tiền, khi nào thanh toán đủ sẽ bàn giao. Riêng đối với GCNQSDĐ đối với thửa đất số 32 hiện nay không rõ ở đâu, không thu hồi được.

* Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự số 212/KL - HĐĐGTS ngày 16/11/2023 (Tòa án cấp sơ thẩm nhận được vào ngày 18/01/2024) xác định:

- Thừa đất số 32 diện tích 785m² loại đất trồng cây hàng năm, thời điểm tháng 10 và 11 năm 2019 và năm 2021 trị giá 76.930.000 đồng.

- Thừa đất số 62 diện tích 694m² loại đất trồng cây hàng năm, thời điểm tháng 10 và 11 năm 2019 và năm 2021 trị giá 68.012.000 đồng.

- Thừa đất số 71 diện tích 146m² loại đất trồng cây hàng năm, thời điểm tháng 10 và 11 năm 2019 và năm 2021 trị giá 14.308.000 đồng.

- Thừa đất số 75 diện tích 235m² loại đất trồng cây hàng năm, thời điểm tháng 10 và 11 năm 2019 và năm 2021 trị giá 23.030.000 đồng.

- Thừa đất số 77 diện tích 96m² loại đất trồng cây hàng năm, thời điểm tháng 10 và 11 năm 2019 và năm 2021 trị giá 9.408.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2024/HS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Tạ Thanh H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” .

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Tạ Thanh Hải T3 **chung thân**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/10/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự và việc bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 221, Điều 235, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 95, Điều 99 và Điều 100 Luật Đất đai năm 2014.

- Công nhận các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 62, 32, 77, 71, 75 thuộc tờ bản đồ số 20 tại địa chỉ tổ H phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng giữa ông Nguyễn Đức T và vợ chồng ông Đỗ Vạn T1, bà Nguyễn Thị T2 được Văn phòng công chứng Trần Thị Thanh B, thành phố Đà Nẵng chứng thực tại các hồ sơ công chứng số 6098, 6099, 6100 ngày 07/10/2019 và các hồ sơ công chứng số 6560, 6561 ngày 07/11/2019 là có hiệu lực pháp luật.

- Giao cho ông Văn Công Q được quyền sở hữu, sử dụng đối với 05 thửa đất số 62, 32, 77, 71, 75 thuộc tờ bản đồ số 20 tại địa chỉ tổ H phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Ông Văn Công Q có quyền phối hợp với vợ chồng ông Đỗ Vạn T1, bà Nguyễn Thị T2 căn cứ vào các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên và căn cứ vào quyết định của bản án này để liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục xác lập quyền sở hữu, sử dụng đối với các thửa đất này.

- Khấu trừ giá trị quyền sử dụng đất của 05 thửa đất nêu trên với số tiền là: 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng); buộc bị cáo Tạ Thanh H phải tiếp tục bồi thường cho ông Văn Công Q số tiền còn lại là 16.800.000.000 đồng (Mười sáu tỷ tám trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và thông báo về quyền kháng cáo.

Ngày 17/4/2024, bị cáo Tạ Thanh H có đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử mức án quá nặng và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19/4/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T có đơn kháng cáo cho rằng, đối với 02 thửa đất số 62 và 75 bị cáo Tạ Thanh H chưa thanh toán tiền cho ông T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao cho ông Văn Công Q là không đúng nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Tạ Thanh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Tạ Thanh H cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xử mức án nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo nên xin giảm nhẹ hình phạt. Ông Nguyễn Đức T cho rằng, đối với 02 thửa đất số 62 và 75 bị cáo Tạ Thanh H chưa thanh toán tiền cho ông T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao 02 thửa đất nói trên cho ông Văn Công Q là không đúng nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tạ Thanh H giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tạ Thanh H và không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

Luận cứ bào chữa của luật sư cho bị cáo Tạ Thanh H cho rằng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo khai nhận diễn biến sự việc, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tạ Thanh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Bị cáo Tạ Thanh H khai nhận tội, đối chiếu thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Năm 2019, thông qua các mối quan hệ xã hội, Tạ Thanh H gặp và quen biết với ông Văn Công Q. H đưa ra thông tin gian dối về việc H có đất đang làm thủ tục đầu tư dự án Tôn Đản 17.000m² đưa cho ông Q và ông Đỗ Vạn T1 (bạn

ông Q) xem bản đồ quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Tôn Đản 17.000m² cùng Hợp đồng xây dựng dự án số 15 ký giữa H và Công ty TNHH T4 do ông Tần Tấn S làm giám đốc; dẫn ông Q, ông T1 đến xem các thửa đất số 62, 32, 77, 71, 75 thuộc tờ bản đồ số 20 và kêu gọi ông Q góp vốn đầu tư vào dự án với số tiền 20 tỷ đồng để xin chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây hàng năm thành đất kinh doanh dịch vụ và đất thổ cư, lợi nhuận chia đôi. Để ông Q tin tưởng chuyển tiền, ngày 07/10/2019 H yêu cầu ông Nguyễn Đức T làm thủ tục ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng 03 thửa đất số 32, 71, 77 thuộc tờ bản đồ số 20 cho ông Đỗ Vạn T1; đến ngày 10/10/2019 sang tên cho ông Đỗ Vạn T1 (nhưng H vẫn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không giao cho ông T1, cùng ngày 10/10/2019 ông T1 và vợ là bà Nguyễn Thị T2 ký hợp đồng ủy quyền cho H được thay mặt lập các thủ tục pháp lý có liên quan đến 03 thửa đất này). Ngày 07/11/2019, H tiếp tục yêu cầu ông T ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng 2 thửa đất số 62 và 75 cho ông T1. Ngày 17/01/2020, H nộp hồ sơ các thửa đất số 32, 71, 77, tờ bản đồ số 20 vào Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Chi nhánh quận C để làm thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nhưng ngày 17/9/2020 H đã rút lại hồ sơ này và H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đem cầm cố, thế chấp cho người khác lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân. Còn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 thửa đất số 62 và 75 ông T giữ lại vì cho rằng H còn nợ tiền ông T. Do tin tưởng H về việc góp vốn thực hiện dự án T 17.000m² nên trong các ngày 15/10/2019 và ngày 14/11/2019, ông Q đã chuyển vào tài khoản của H mở tại ngân hàng V1 số tiền 20 tỷ đồng; nội dung chuyển khoản đều được thể hiện là chuyển tiền thanh toán dự án Tôn Đản. Ngày 15/11/2019 H đã dự thảo Hợp đồng góp vốn số 01 giữa H và ông T1 (đã được H ký). Sau khi nhận được tiền của ông Q, theo H khai đã đưa cho ông T 10 tỷ đồng để lo thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và pháp lý dự án, nhưng ông T không thừa nhận (tại phiên tòa sơ thẩm H khai đã đưa cho ông T số tiền 17 tỷ 570 triệu đồng). Số tiền còn lại H khai sử dụng hơn 2 tỷ để mua đất ở huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, hơn 2 tỷ mua 2 xe ô tô, số tiền còn lại H tiêu xài hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo Tạ Thanh H đã bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 điều 174 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Bản án sơ thẩm đánh giá đúng tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án, mức độ phạm tội, đồng thời xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt Tạ Thanh H với mức án tù chung thân. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Tạ Thanh H khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Nhưng xét, số tiền bị cáo H chiếm đoạt rất lớn; sau khi xử sơ thẩm chưa khắc phục hậu quả bồi thường cho người bị hại nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tạ Thanh H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Về phần trách nhiệm dân sự

Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T thì thấy: Đối với các thửa đất số 62, 75, tờ bản đồ số 20 tại địa chỉ tổ H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, ông Nguyễn Đức T thừa nhận ông T đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Vạn T1, bà Nguyễn Thị T2 vào ngày 07/11/2019 đã được Văn phòng công chứng Trần Thị Thanh B chứng thực. Do đó, bản án sơ thẩm công nhận hợp đồng trên có hiệu lực và giao cho ông Văn Công Q được quyền sở hữu, sử dụng là hoàn toàn có cơ sở. Ông Nguyễn Đức T cho rằng, bị cáo H chưa thanh toán tiền cho ông đối với 02 thửa đất trên. Vấn đề này không ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng nên không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Tạ Thanh H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tạ Thanh H và kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 BLHS.

Xử phạt: Tạ Thanh H tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/10/2021.

Về trách nhiệm dân sự

Áp dụng Điều 48 BLHS; khoản 2 Điều 221, Điều 235, Điều 589 BLDS; các Điều 95, 99, 100 Luật Đất đai năm 2013.

Công nhận các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 62, 75 thuộc tờ bản đồ số 20 tại địa chỉ tổ H phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng giữa ông Nguyễn Đức T và vợ chồng ông Đỗ Vạn T1, bà Nguyễn Thị T2 được Văn phòng công chứng Trần Thị Thanh B, thành phố Đà Nẵng chứng thực tại các hồ sơ công chứng số 6560, 6561 ngày 07/11/2019 có hiệu lực pháp luật.

Giao cho ông Văn Công Q được quyền sở hữu, sử dụng 02 thửa đất số 62, 75 thuộc tờ bản đồ số 20 tại địa chỉ tổ H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Ông Văn Công Q có quyền phối hợp với vợ chồng ông Đỗ Vạn T1, bà Nguyễn Thị T2 căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên và căn cứ vào quyết định của bản án này liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để

thực hiện các thủ tục xác lập quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với các thửa đất này.

2. Về án phí:

Bị cáo Tạ Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ 300.000 đồng ông T đã nộp (do bà Nguyễn Thị Ngọc D nộp thay) tại biên lai thu tiền số 0001463 ngày 06/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự và việc bồi thường thiệt hại còn lại, phần xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - CA thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm